

Đô-Thành Thuận-Hóa

Nguyễn Vinh-Tráng

Vì tôi may mắn năm được bộ Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ - KĐĐNHĐSL (1) cùng bài « La Capitale du Thuân-Hoa » của Cụ Võ Liêm, đăng trên Bulletin des Amis du Vieux Huê - BAVH, tháng Juillet 1916 (2). Nhận thấy những tài liệu rất hiếm : bài của Cụ Võ Liêm cho tên các nhân vật, các công trình bằng chữ Hán, còn bộ KĐĐNHĐSL thì có nhiều chi tiết về kích thước, thời điểm, nhân công, lương hướng. Lấy ưu điểm của hai bên mà bổ sung cho nhau, có thể cho ta một cái nhìn khá chính xác về việc xây cất Đô-Thành. Cũng vì thế, tôi đã viết bài này, hầu cống hiến quý vị độc giả một tài liệu đáng quý cho ngày nay.

Bài của Cụ Võ Liêm không viết thẳng tên các vị Chúa, mà dùng miếu hiệu của các Ngài, như Đức Triệu Tổ, Đức Thái Tổ ..., tôi thì viết rõ trọng húy các Ngài, để người đọc nhận biết dễ dàng. Nhưng đến các trọng húy, những miếu hiệu, kỵ húy, tôi đều ghi chú ở dưới.

Tôi đã cố gắng đưa chữ Hán vào bài này, vì trong chữ Hán, những chữ đồng âm mà không đồng nghĩa, phần nhiều viết khác nhau, để cho tên các nhân vật, các công trình, các địa danh, trước được nhận biết một cách rõ ràng, sau để độc giả thưởng thức những mỹ tự mà người xưa đã dành cho điện, đài, lầu, các của Đé-Đó.

Tôi cũng dựa vào những tài liệu rải rác khác như Nguyễn-Phúc Tộc Thế Phả, Việt Nam Sử Lược hay những bài báo đăng trên một vài tạp chí ..., để sửa những chỗ mà tôi cho là sai lầm trong hai tài liệu chính nói trên.

Tuy tôi đã ra sức tra cứu những tài liệu nắm được, nhưng dầu sao những sai lầm, sơ sót vẫn còn, tôi rất mong quý vị độc giả chỉ bảo để tài liệu được thêm phần hoàn mỹ, để sửa sách thêm phần chính xác hơn.

Kinh thành Hué bây giờ không phải là vị trí đầu tiên của Đô-Thành Thuận-Hóa.

Sau khi Thái Sư Hưng Quốc Công Nguyễn Kim 阮 淦 (3) mất vào năm Ất-Tỵ, Nguyên-Hòa thứ mười ba, đời Lê Trang-Tông (1545), họ Trịnh đã nắm hết quyền chính vào tay mình và ra mặt uy hiếp nhà Lê. Cũng vì thế mà sự xích mích giữa hai họ Trịnh, Nguyễn bắt đầu, để rồi đi đến chỗ căng thẳng với cái chết của Lãng Quận Công Nguyễn Ưông 阮 汪, con trai trưởng của Nguyễn Kim. Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng 阮 潢 (4) đành nhờ chị, bà Ngọc Bảo 玉 寶, Thái Phi của Thái Quốc Công Trịnh Kiểm 鄭 檢, nói giúp với chồng cho được thuyền chuyển vào Nam. Năm Mậu-Ngọ, Chính-Trị nguyên niên, đời Lê Anh-Tông (1558), Nguyễn Hoàng được bổ làm Trấn-Thủ Thuận-Châu 順 州 và Hóa-Châu 化 州 là hai châu Ô 烏 và châu Lý 里 cũ. Nguyễn Hoàng cho xây trấn dinh ở xã Ái-Tử 愛 子, thuộc huyện Đăng-Xương 登 昌, là huyện Triệu-Phong sau này, về phía bắc thành phố Quảng-Trị.

Thuận-Hóa lúc bấy giờ gồm các tỉnh Quảng-Bình 廣 平, Quảng-Trị 廣 治, Thừa-Thiên 承 天 và một phần Quảng-Nam 廣 南 ngày nay.

Đến năm Canh-Ngọ, Chính-Trị thứ mười ba (1570), Nguyễn Hoàng dời dinh đến Trà-Bát 茶 鉢, cũng thuộc huyện Đăng-Xương và đặt tên là Cát-Dinh 葛 營.

Năm Bính-Dần, Vĩnh-Tộ thứ tám, đời Lê Thần-Tông (1626), Chúa Sãi Nguyễn-Phước Nguyên 阮 福 源 (5) dời dinh đến làng Phúc-An 福 安, thuộc huyện Quảng-Điền 廣 田, tỉnh Thừa-Thiên bây giờ. Tư dinh được gọi là Chúa-Phủ 主 府.

Năm Bính-Tý, Duong-Hòa thứ hai, đời Lê Thần-Tông (1636), Chúa Thượng Nguyễn-Phước Lan 阮福瀾 (6) bị thu hút bởi cảnh trí làng Kim-Long 金龍, thuộc huyện Hương-Trà 香茶, nên đã dời phủ về đó.

Mãi đến tháng bảy, năm Đinh-Mão, Chính-Hòa thứ tám, đời Lê Hi-Tông (1687), Chúa Nghĩa Nguyễn-Phước Thái 阮福泰 (7) mới dời phủ về làng Phú-Xuân 富春 cũng thuộc huyện Hương-Trà. Gọi Chúa-Phủ là Chính-Dinh 正營, cho xây cung điện, thành quách rất tráng lệ. Lấy ngọn Bàng-Sơn 憑山 làm bình phong cho Chính-Dinh. Bàng-Sơn chính là núi Ngự-Bình 御屏 ngày nay. Còn chúa-phủ cũ sửa lại làm Thái-Tông Miếu để thờ Chúa Hiền Nguyễn-Phước Tần 阮福瀕 (8).

Năm Nhâm-Thìn, Vĩnh-Thịnh thứ tám, đời Lê Dụ-Tông (1712), Quốc Chúa Nguyễn-Phước Chu 阮福周 (9), lập chúa-phủ mới tại làng Bác-Vọng 博望, thuộc huyện Quảng-Điền, và cho đúc ấn « Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bảo 大越國阮主永鎮之寶 ».

Dưới thời Vũ-Vương Nguyễn-Phước Khoát 阮福闊 (10), bờ cõi đã mở mang rộng rãi, Đàng Trong có 12 dinh:

Chính-dinh, Cựu-dinh 舊營 (Ái-Tử), Quảng-Bình dinh, Vũ-Xá 武舍 dinh, Bố-Chính 布政 dinh, Quảng-Nam dinh, Phú-Yên 富安 dinh, Bình-Khang 平康 dinh, Bình-Thượn 平順 dinh, Trấn-Biên 鎮邊 dinh, Phiên-Trấn 藩鎮 dinh và Long-Hồ 龍湖 dinh.

Chính-Dinh mới này được xây vào năm Tân-Dậu, Cảnh-Hung thứ hai, đời Lê Hiền-Tông (1741), ở bên tả Chính-dinh cũ và được gọi là Chính-Phủ 正府. Cũng tại phủ mới này, Chúa Nguyễn-Phước Khoát đã xưng Vương-hiệu vào ngày mười hai tháng tư năm Giáp-Tý, Cảnh-Hung thứ năm (1744). Vương-phủ 王府 được đổi thành Vương-Điện 王殿, Chính-Phủ được đổi thành Đô-Thành 都城. Danh xưng Đô-Thành Phú-Xuân 富春 có từ đó.

Một điều đáng tiếc là trong những năm cuối cùng của đời mình, Vũ-Vương sống xa hoa trong cảnh thanh bình, đắm ra nghe lời xu nịnh mà say đắm tửu sắc, bỏ rời nhiệm vụ của đáng minh vương để đưa đến cái đại loạn Trương Phúc Loan 張福巒 sau này. Họ Trịnh lấy danh nghĩa « Dẹp nguy thân, giúp người thân thích » (11), đem quân vào chiếm Đô-Thành, vào năm Ất-Mùi, Cảnh-Hung thứ ba mươi sáu (1775). Tây-Son, dưới chiêu bài « Diệt Trịnh, phù Nguyễn » đã chiếm cứ Phú-Xuân, vào năm Bính-Ngọ, Cảnh-Hung thứ bốn mươi bảy (1786). Rồi từ năm Mậu-Thân (1788) cho đến năm Tân-Dậu (1801), Đô-Thành Phú-Xuân là Kinh-đô của nhà Tây-Son (12).

Vì chiến tranh loạn lạc, Phú-Xuân liên tiếp bị tàn phá trong 26 năm trời.

Cũng may nhờ tổ tiên, biết chăm lo cho dân, đã đem toàn lực khai khẩn đất đai, biến những vùng đất hoang vu đầy lam sương chướng khí thành một miền Nam trù phú an ninh, nên người Đàng Trong không quên họ Nguyễn mà sát cánh theo giúp Nguyễn-Vương. Cũng vì thế mà Thế-Tổ Cao Hoàng-Đế, sau mấy chục năm gian lao cực khổ, đã thu phục lại Đô-Thành, vào ngày mồng ba tháng năm, năm Tân-Dậu (02-06-1801).

Và mãi đến năm Giáp-Tý, Gia-Long thứ ba (1804), sau khi thống nhất và bình định cả đất nước, Thế-Tổ mới xuống chỉ cho xây lại Đô-Thành.

Theo kế hoạch Đô-Thành gồm có Cung-Thành, Hoàng-Thành và Kinh-Thành.

Cung-Thành 宮城 (13) (đến năm Nhâm-Ngọ, Minh-Mệnh thứ ba (1822), danh xưng Cung-Thành được đổi là Tử-Cấm-Thành 紫禁城) có chu vi tất cả là 307 thước 3 thước 4 tấc (khoảng 1 229 m), cao 9 thước 3 tấc (khoảng 3,72 m), dày 1 thước 8 tấc (khoảng 0,72 m), xây bằng gạch. Mặt trước, mặt sau, mỗi mặt dài 81 thước (khoảng 324 m), mặt tả, mặt hữu, dài 72 thước 6 thước 7 tấc (khoảng 290,50 m).

Ở trước có hai cửa Tả-Túc 左肅, Hữu-Túc 佑肅, lòng cửa đều cao 6 thước 4 tấc (khoảng 2,56 m), ngang 4 thước 5 tấc (khoảng 1,80 m). Bên tả có hai cửa Hưng-Khánh 興慶, Đông-An 東安; bên hữu có hai cửa Gia-Tường 嘉祥, Tây-An 西安; cả bốn cửa đều có lòng cao 6 thước 5 tấc (khoảng 2,60 m), ngang 4 thước 6 tấc (khoảng 1,84 m). Phía sau có hai cửa Tường-Lân 祥麟 (dưới triều Thành-Thái được đổi thành Tường-Loan 祥鸞 vì kỵ húy), Nghi-Phượng 儀鳳, lòng cửa đều cao 6 thước 4 tấc (khoảng 2,50 m), ngang 4 thước 1 tấc (khoảng 1,64 m).

Thân của Cung-Thành trong, ngoài đều trát vôi vàng.

Hoàng-Thành 皇城 (14) có chu vi tất cả là 614 trượng (khoảng 2 456 m), xây bằng gạch, cao 1 trượng 5 thước (khoảng 6 m), dày 2 thước 6 tấc (khoảng 1,04 m). Mặt trước, mặt sau đều dài 151 trượng 5 thước (khoảng 606 m). Mặt tả, mặt hữu đều dài 155 trượng 5 thước (khoảng 622 m).

Ở trước có hai cửa Tả-Đoan 左端, Hữu-Đoan 右端 (sau này được phá để xây cửa Ngọ-Môn 午門 vào năm Quý-Ty, Minh-Mệnh thứ mười bốn (1833)). Bên tả có cửa Hiến-Nhân 顯仁, bên hữu có cửa Chương-Đức 彰德, đều có hai tầng lầu, và phía sau có cửa Cung-Thần 拱辰 (sau đổi thành cửa Hòa-Bình 和平), không có lầu. Các cửa đều có ba gian, lợp ngói lưu ly vàng, dài 3 trượng 1 thước 4 tấc (khoảng 4,56 m), ở giữa lòng cửa cao 9 thước 1 tấc (khoảng 3,64 m), ngang 5 thước 5 tấc (khoảng 2,20 m); cửa xếp của hai gian hai bên tả hữu có lòng cửa cao 8 thước 5 tấc (khoảng 3,40 m). Ba mặt đông, tây, bắc, mỗi mặt cho xây một cái đài là Đông-Khuyết-Đài 東闕臺, Tây-Khuyết-Đài 西闕臺, Bắc-Khuyết-Đài 北闕臺, đều dài 15 trượng 5 thước (khoảng 62 m), ngang 5 trượng 5 thước (khoảng 22 m), cao 1 trượng (khoảng 4 m). Mỗi đài ở trên có một nhà vuông lợp ngói phẳng, chiều ngang, chiều dài đều 2 trượng 5 thước 5 tấc (khoảng 6,20 m).

Bốn mặt ngoài thành có hào bao vây, rộng 4 trượng (khoảng 16 m), sâu 7 thước 8 tấc (khoảng 3,12 m). Hai bờ xây lan can bằng gạch, còn dưới xây đá. Có 5 cầu bắt ngang; cầu ở hai cửa Tả-Đoan, Hữu-Đoan xây bằng đá, còn cầu ở ba cửa Hiến-Nhân, Chương-Đức, Cung-Thần thì xây bằng gạch.

Kinh-Thành 京城 (15) có chu vi tất cả là 2 487 trượng 3 thước 6 tấc (khoảng 9 949 m). Thân dày 5 trượng (khoảng 20 m). Trong ngoài xây gạch, cao 1 trượng 5 thước 2 tấc (khoảng 8,08 m), trên dày 3 thước 9 tấc (khoảng 1,56 m), dưới dày 6 thước 3 tấc (khoảng 2,52 m), chân sâu 2 thước (khoảng 0,80 m). Mặt tiền dài 641 trượng (khoảng 2 564 m). Bên tả dài 608 trượng 7 thước 9 tấc (khoảng 2 435 m). Bên hữu dài 625 trượng 8 thước 9 tấc (khoảng 2 503 m). Mặt hậu dài 611 trượng 6 thước 8 tấc (khoảng 2 447 m).

Kinh-Thành có 11 cửa (kể cả cửa Trường-Định), 10 cửa có lầu (cửa Trường-Định không có lầu) đều xây bằng gạch đá và trước mỗi cửa dựng hai cột cờ:

Mặt tiền có 4 cửa là các cửa Thể-Nguyên 體元 (đến năm Kỷ-Sửu, Minh-Mệnh thứ mười (1829) được đổi là Thể-Nhân 體仁, vì kỵ húy), Quảng-Đức 廣德, Chính-Nam 正南, Đông-Nam 東南. Phía đông có hai cửa Chính-Đông 正東 và Đông-Bắc 東北. Phía tây có hai cửa Chính-Tây 正西 và Tây-Nam 西南. Mặt sau có hai cửa Chính-Bắc 正北 và Tây-Bắc 西北. Các cửa đều dài 6 trượng (khoảng 24 m), cao 2 trượng (khoảng 8 m), lòng cửa cao 1 trượng 2 thước 2 tấc (khoảng 4,88 m), rộng 9 thước (khoảng 3,60 m); và đều có hai tầng lầu cao tất cả 2 trượng 1 thước (khoảng 8,40 m). Tổng quát các cửa cao tất cả là 4 trượng 1 thước (khoảng 16,40 m) (16).

Góc Đông-Bắc của Kinh-Thành lại cho xây lồi ra phía ngoài một công trình kiến trúc nữa gọi là Thái-Bình-Đài 太平臺, là Mang Cá bây giờ. Trong, ngoài xây gạch, chu vi tổng quát là 246 trượng 7 thước 4 tấc (khoảng 987 m), cao 4 trượng 4 thước (khoảng 17,60 m), thân dày 3 trượng 5 thước (khoảng 14 m), trên dày 2 thước 8 tấc (khoảng 1,12 m), dưới dày 4 thước 3 tấc (khoảng 1,72 m), chân sâu 1 thước (khoảng 0,40 m).

Thái-Bình-Đài có một cửa ra vào là cửa Trường-Định 長定, cao 2 trượng 2 thước (khoảng 8,80 m), lòng cửa cao 7 thước 3 tấc (khoảng 2,92 m), rộng 4 thước 7 tấc (khoảng 1,88 m). Trong Thái-Bình-Đài đặt một xường súng, một kho thuốc súng và một đồn canh.

Xung quanh Kinh-Thành có đào hào dài 2 503 trượng 4 thước 7 tấc (khoảng 10 014 m), rộng 7 trượng 5 thước (khoảng 30 m), sâu 1 trượng (khoảng 4 m), cách thành một giải đất rộng 2 trượng 5 thước (khoảng 10 m). Trước 11 cửa thành có 11 cầu đá, phía ngoài các cầu xây một cái nhà vuông. Hai bờ hào xây bằng đá.

Ba mặt đông, tây, bắc của Kinh-Thành có Hộ-Thành 護城 (17), xây bằng đất. Mặt tả và mặt sau, mỗi mặt dài 415 trượng (khoảng 1 660 m), mặt hữu dài 338 trượng 5 thước (khoảng 1 354 m).

Xung quanh Kinh-Thành có Hộ-Thành-Hà 護城河 bao vây cả ba mặt đông, tây và bắc, rộng 18 trượng 5 thước (khoảng 74 m). Hai bờ xây đá và ăn thông với Hương-Giang 香江. Bờ sông Hương trước mặt Kinh-Thành cũng xây bằng đá. Ngoài ra có sông Ngự-Hà 御江, chạy phía trong Kinh-Thành, nối Hộ-Thành-Hà ở hai đầu đông tây, ngang qua cung Khánh-Ninh 慶寧 và ty Vũ-Khố 武庫.

Công trình hết sức lớn lao và đòi hỏi thời gian thích đáng. Và lại, một mặt chiến tranh đã tàn phá hầu hết những thành quách trên cả nước, một mặt phải xây dựng thêm ở các tỉnh, để đem lại an ninh cho quốc dân, nên triều đình, trong một lúc cùng xây đắp Đô-Thành, cùng tu bổ và xây đắp thành đài ở các tỉnh. Cũng vì thế công việc xây cất Đô-Thành được diễn tiến theo từng đợt và kéo dài từ đời Thế-Tổ cho đến đời Hiến-Tổ mới xong, và cộng lại tất cả phải mất gần 40 năm trời.

Tháng ba năm Giáp-Tý, Gia-Long thứ ba (1804), Thế-Tổ xuống chỉ sai Giám-Thành Nguyễn Văn Yên 阮文燕 lo đo đạc để xây lại Đô-Thành, rộng hơn, lớn hơn. Thế-Tổ đích thân khảo sát địa hình, địa vật từ làng Kim-Long 金龍 ở phía tây đến tận làng Thanh-Hà 清河 ở phía đông, cách nhau gần 20 dặm (khoảng 8 000 m), bao trùm một phần đất của cả tám làng Phú-Xuân 富春, Vạn-Xuân 萬春, Diễn-Phái 演派, An-Vân 安雲, An-Hòa 安和, An-Mỹ 安美, Thế-Lại 世賴 và An-Bửu 安寶. Thế-Tổ tự tay vạch kích thước các thành trì, sai bộ Lễ chọn ngày lành để tế cáo Trời Đất và cầu xin cho dự án xây cất Đô-Thành được thành tựu mỹ mãn. Trước khi khởi công Thế-Tổ lại cho ước lượng kinh phí, cho sửa chữa đường sá, triệu tập biên binh thợ thuyền và dụng cụ cần thiết.

Dân của tám làng nói trên, nhận lệnh tạm di chuyển và được bồi thường 3 quan một nhà, 2 quan một ngôi mộ. Đặc biệt dân làng Phú-Xuân, vì trọn đất của làng dùng để xây kinh-sư, nên cho tạm dời đến phần đất còn lại ở làng Vạn-Xuân, và ngoài số tiền được bồi thường trên, được ban thêm cho 30 mẫu ruộng (khoảng 108 000 m²), 3 sớ đất để xây lại nhà cùng cho vay 1 000 quan để làm chi phí di chuyển nhà cửa.

Ngày Kỷ-Mùi, cát nhật, mồng một tháng tư năm Giáp-Tý, Gia-Long thứ ba (09-05-1804), các quan Phạm Văn Nhân 范文仁, Lê Văn Chất 黎文質, Nguyễn Văn Khiêm 阮文謙 phục chỉ lo việc xây cất Cung-Thành và Hoàng-Thành, cùng bồi đất để chuẩn bị xây cất Kinh-Thành. Nhân công thì lấy biên binh ở Kinh. Mỗi tháng, một người được ban cho 1 quan tiền và 1 phương gạo (18), còn thợ thầy thì kêu gọi người lành nghề trong cả nước.

Vào tháng tư năm Ất-Sửu, Gia-Long thứ tư (1805), Thế-Tổ ban chỉ cho xây Kinh-Thành bốn mặt bằng đất. Bờ sông Hương trước mặt thành được đắp lại bằng đá. Nhánh sông bên hữu thành được lấp đi và cho đào một phần sông Ngự-Hà ở phía trong thành, cùng cho khởi công đào Hộ-Thành-Hà. Nhân công thì lấy biên binh ở Kinh, Thanh-Hóa 清化, Nghệ-An 乂安, Quảng-Đức 廣德, Quảng-Bình, Quảng-Trị, Quảng-Nam, Quảng-Nghĩa 廣義 và Bình-Định 平定. Lương mỗi tháng là 1 quan 5 tiền và 1 phương gạo.

Tháng bảy năm Bính-Dần, Gia-Long thứ năm (1806), Thê-Tổ xuống chỉ cho phép dân của tám làng nói trên, bị tạm thuyền chuyển lúc trước, được trở về. Người nào muốn ở trong thành thì được miễn dịch vụ suốt đời, còn những người muốn sống ở ngoài thành, thì được miễn ba năm.

Đến tháng tám, công trình xây cất Kinh-Thành đợt đầu đã tạm xong. Thê-Tổ chuẩn thường cho, ngoài lương bổng đã định, những người phân quản từ Đới-Trường trở lên đều ban thêm 3 tháng lương, biên binh thì 1 tháng lương và cho trở về làng nghỉ ngơi (19).

Tháng sáu năm Đinh-Mão, Gia-Long thứ sáu (1807), Thê-Tổ xuống chỉ cho hoi Kinh 3 000 lính thuộc doanh Thần-Sách 神策 ở Thanh-Hóa và Nghệ-An, 5 500 lính thuộc Ngũ-Quân 五軍 và Tượng-Quân 象軍 ở Bắc-Thành 北城, để tiếp tục việc xây cất, và đến tháng mười một, cho xây nền và tầng thứ nhất của Kỳ-Đài 旗臺.

Kỳ-Đài có 3 tầng, cao 4 trượng 4 thước (khoảng 17,60 m). Tầng dưới phía nam dựa vào chân thành, cao 1 trượng 4 thước (khoảng 5,60 m); tầng giữa cao 1 trượng 4 thước 5 tấc (khoảng 5,80 m); tầng trên cao 1 trượng 5 thước 5 tấc (khoảng 6,20 m). Bốn mặt xây gạch. Cửa vòm rộng 5 thước (khoảng 2 m). Cột cờ có hai tầng, cao 7 trượng 3 thước 8 tấc (khoảng 29,52 m). Trên đài có 8 xướng súng và hai đồn canh.

Thê-Tổ cho tiếp tục xây các cửa của Kinh-Thành, tiếp tục đào Hộ-Thành-Hà và đào hào quanh Kinh-Thành như kế hoạch đã định. Ngoài ra hàng năm phải lo trùng tu sửa chữa những mặt thành bị sụp đổ vì lụt lội nắng mưa, cùng lo nung vôi nung gạch, tích trữ mặt đường, thành đợt này kéo dài gần đến 10 năm.

Năm Bính-Tý, Gia-Long thứ mười lăm (1816), nhận thấy công trình xây cất và trùng tu Kinh-Thành quá lớn lao và cực nhọc, nên phải dưỡng sức cho binh lính và thợ thuyền, Thê-Tổ xuống chỉ cho công nhân tạm nghỉ trong những tháng đại hạn và thưởng cho 4 vạn quan tiền (20) sau khi công việc tạm hoàn tất.

Tháng hai năm Mậu-Dần, Gia-Long thứ mười bảy (1818), Thê-Tổ xuống chỉ cho các quan Hoàng Công Lý 黃公理, Trương Phúc Đặng 張福鄧, Nguyễn Đức Sĩ 阮德仕 lãnh trách nhiệm đắp gạch vào mặt ngoài thành cùng xây 24 pháo-đài ở bốn mặt trên thành. Mặt tiền có 6 pháo đài là Nam-Ninh 南寧, Nam-Hung 南興, Nam-Thắng 南勝, Nam-Chính 南正, Nam-Xương 南昌 và Nam-Thanh 南清. Bên tả có Đông-Thái 東太, Đông-Trường 東長, Đông-Gia 東嘉, Đông-Phụ 東阜, Đông-Vĩnh 東永, Đông-Bình 東平. Bên hữu có Tây-Thành 西成, Tây-Tuy 西綏, Tây-Tĩnh 西靜, Tây-Dực 西翼, Tây-An 西安, Tây-Trình 西貞. Mặt bắc Bắc-Củng 北拱, Bắc-Định 北定, Bắc-Hòa 北和, Bắc-Thịnh 北盛, Bắc-Trung 北中 và Bắc-Thuận 北順. Ngoài ra cho đắp đá, lát gạch hai bên bờ hào. Xây cầu ở trước các cửa thành, cùng tiếp tục đào Hộ-Thành-Hà. Nhân công thì lấy gần 1 vạn trong hàng ngũ Tinh-Binh 精兵, Cấm-Binh 禁兵 của quân Võ-Lâm 武林 và dân làm thuê.

Đến tháng bảy cùng năm, công việc xây cất hai mặt thành phía nam và bên tả tạm gọi là hoàn tất, Thê-Tổ xuống chỉ ban thưởng đại khái như sau : « Từ xưa, các đế vương có nhiệm vụ lo xây thành trì để giữ gìn kinh đô và đất nước. Vừa rồi, từ mùa xuân đến mùa thu, các biên binh, thợ thuyền được gọi sung vào công vụ đã khá lao碌. Nay thành phía nam và phía tả đã hoàn tất, Trẫm không quên công khó của biên binh và thợ thuyền đã luôn luôn tận tụy với triều đình, ra sức làm việc khó nhọc, xem việc công như chính việc riêng của cha mẹ mình. Vậy nay thưởng 14 vạn quan tiền cho biên binh và thợ thuyền, và cho về làng nghỉ ngơi, còn các quan từ Đốc-Lý trở xuống, tùy theo công việc, sẽ ban cho tiền bạc, áo quần... ».

Cuối năm đó, cho kêu lại biên binh, thợ thuyền để xây mặt thành phía bắc. Mặt thành này được xây xong vào tháng ba năm Kỷ-Mùi, Gia-Long thứ mười tám (1819). Thê-Tổ xuống chỉ ban thưởng 14 vạn 3 ngàn quan tiền cho biên binh thợ thuyền, còn các quan thì thưởng cho 5 tháng lương.

Tháng mười năm Canh-Thìn, Minh-Mệnh nguyên niên (1820), vì lụt lội, một đoạn thành dài 300 trượng (khoảng 1 200 m) bị sụp đổ, Thánh-Tổ xuống chỉ cho trùng tu lại.

Tháng hai năm Tân-Ty, Minh-Mệnh thứ hai (1821), xuống chỉ cho đào trọn Hộ-Thành-Hà, bọc quanh ba mặt đông, tây, bắc của Kinh-Thành cho đến sông Hương.

Tháng Giêng năm Nhâm-Ngọ, Minh-Mệnh thứ ba (1822), sai Đô-Thống doanh Thần-Sách 神策 Nguyễn Văn Vân 阮文雲 cai quản việc tu bổ một đoạn thành dài khoảng 566 trượng (khoảng 2 264 m), cùng xuống chỉ chỉ định giờ làm việc. Cho phép nghỉ trong những ngày trời xấu. Công việc hoàn tất, Thánh-Tổ ban thưởng 5 vạn 2 ngàn 2 trăm quan tiền cho công nhân, còn từ Đốc-Lý đến Xuất-Đội thì được 5 tháng lương. Đến tháng sáu, thấy trời nóng nực quá, nên cho binh thợ nghỉ đợi sang xuân sẽ xuống chỉ cho khởi công làm tiếp.

Nhưng mùa đông năm ấy, thành mặt tiền và bên tả bị sụp 2 057 trượng (khoảng 8 228 m) nữa vì mưa lớn, nên vào tháng ba năm Quý-Mùi, Minh-Mệnh thứ tư (1823) lại sai các quan Trần Văn Năng 陳文能 và Nguyễn Văn Vân 阮文雲 đốc thúc binh thợ để lo sửa chữa. Tháng năm cho binh thợ nghỉ sức một tháng, nên đến tháng bảy mới xong.

Tháng hai năm Giáp-Thân, Minh-Mệnh thứ năm (1824), cho bồi đắp mặt sau Kinh-Thành, lại cho xây lầu gạch ở hai cửa Chính-Đông và Đông-Bắc, cùng cho thay lại ngói nát gỗ mục ở các công trình như cửa Hiền-Nhân và cửa Chương-Đức.

Tháng năm năm Bính-Tuất, Minh-Mệnh thứ bảy (1826), cho xây cầu Tây-Thành Thủy-Quan 西城水關, cầu Vĩnh-Lợi 永利, cầu Hoàng-Tê 弘濟 bắc ngang sông Ngự-Hà và cho xây đá hai bên bờ sông, dài trên 580 trượng (khoảng 2 320 m), chạy từ Cung Khánh-Ninh 慶寧宮, gần trường Canh-Nông bây giờ, cho đến Hộ-Thành-Hà.

Năm Đinh-Hợi, Minh-Mệnh thứ tám (1827), cho đắp đài Quan-Tượng 觀象 ở mặt sau đài Nam-Ninh, góc tây nam thành.

Tháng ba năm Kỷ-Sửu, Minh-Mệnh thứ mười (1829) cho xây lầu ở các cửa Chính-Nam, Đông-Nam, Chính-Tây, Tây-Nam, Quảng-Đức và Thế-Nhân 體仁 (Thế-Nguyên 體元 cũ).

Tháng chín, lấy 23 mẫu 6 sào (khoảng 85 200 m²) đất ở hai làng An-Ninh 安寧 và Nguyệt-Biêu 月瓢 để ban cho dân ba ấp Nội-Duyệt 內銳, Kiên-Trung 堅中 và An-Tân 安新 thuộc làng Phú-Xuân, vì dưới thời Đức Thế-Tổ, đất của ba ấp ấy đã sung công để xây Kinh-Thành.

Tháng tư năm Canh-Dần, Minh-Mệnh thứ mười một (1830), cho xây Đông-Thành Thủy-Quan 東城水關 bắc ngang đầu múi đông của sông Ngự-Hà.

Nhân công thì lấy Cẩm-Binh và Tinh-Binh của quân Vũ-Lâm cùng dân thuê.

Tháng hai năm Tân-Mão, Minh-Mệnh thứ mười hai (1831), xuống chỉ cho Tiền-Quân Trần Văn Năng 阮文能, Trung-Quân Tổng Phúc Lương 宋福樑 lo sửa chữa và xây gạch ở Kỳ-Đài và cho xây tiếp tầng thứ hai và tầng thứ ba cùng xây hai đôn canh như kế hoạch đã định. Cho lát đá bên trong mặt trước Kinh-Thành, cùng cho xây hai cái cầu của hai cửa Chính-Bắc và Tây-Bắc.

Tháng hai năm Nhâm-Thìn, Minh-Mệnh thứ mười ba (1832), xuống chỉ cho Tiền-Quân Trần Văn Năng 阮文能, Trung-Quân Tổng Phúc Lương 宋福樑, Hậu-Quân Phan Văn Thúy 潘文翠 và Phó-Tướng Nguyễn Văn Xuân 阮文春 đốc thúc binh thợ để đắp đá và lát gạch các lan can phía bên trong các mặt tiền, tả, hữu của Kinh-Thành; còn Thống-Chế Nguyễn Văn Trọng 阮文仲 và các quan Phạm Văn Lý 范文理, Đỗ Quý 杜貴, Tôn-Thất Bằng 尊室朋 thì lo mặt thành phía sau và các mặt thành của Thái-Binh-Đài. Công việc bắt đầu từ tháng ba đến tháng năm thì xong. Nhân công thì lấy biên binh trong Ngũ-Quân và dân thuê.

Công trình xây cất Kinh-Thành Thuận-Hóa đến đây có thể tạm gọi là hoàn tất. Thánh-Tổ xuống chỉ cho các quan ở Nội-Các đại khái như sau :

« Kinh sư là nơi căn bản của cả nước. Hoàng Khảo, sau khi bình định cả toàn quốc, đã chăm lo thu hoạch những điều kiện thuận tiện nhất để xây cất Kinh sư. Nay Trẫm lên kế nghiệp Ngài, Trẫm quyết chí theo đuổi công trình đó. Trẫm biết công việc càng nặng thì càng phải nghỉ ngơi nhiều, cho nên Trẫm tiếp tục việc xây cất cho chóng được hoàn mỹ.

Kinh phí lên quá 10 triệu quan. Đó là một số tiền rất lớn. Cũng may Kinh sư được xây cất xong, thành trì được vững chắc, chúng ta có thể an hưởng trong mười vạn năm. Trẫm rất vui mừng.

Công việc nặng nề là do các quan, các biên binh, thợ thuyền đảm nhận. Thật là chúa, tôi giống như cha, con một nhà. Thần dân đã nhiều công khó nhọc, vậy triều đình phải biết đến để tuyên thưởng công lao... ».

Thánh-Tổ ban thưởng cho các Đại Thần mỗi người 2 tấm sa ; các Quân-Cơ, Chương-Vệ mỗi người một tấm ; còn từ Đốc-Lý đến Xuất-Đội cả thảy 230 người và 9 500 biên binh, thợ thuyền được thưởng, mỗi người 2 tháng lương. Thánh-Tổ lại xuống chỉ cho sắm đủ yến tiệc để các Đại Thần đến khoản đãi những viên chức chuyên biện cùng công nhân và cho họ xem hát trong 3 ngày.

Năm Quý-Ty, Minh-Mệnh thứ tư (1833), Thánh-Tổ xuống chỉ sai quan Nguyễn Tăng Minh 阮增明 làm Đốc-Lý cho xây Đại-Cung-Môn 大宮門 và Ngọ-Môn 午門.

Đại-Cung-Môn có 3 gian. Lòng cửa giữa cao 7 thước 3 tấc (khoảng 2,92 m), ngang 5 thước 4 tấc (khoảng 2,16 m). Hai cửa giáp hai bên tả hữu, lòng cửa cao 6 thước 4 tấc (khoảng 2,56 m), ngang 4 thước 1 tấc (khoảng 1,64 m).

Cho phá hai cửa Tả-Đoan, Hữu-Đoan và dòi điện Càn-Nguyên 乾元 lùi lại phía sau và đổi tên là Càn-Thành 乾成 vì kỵ húy, để xây Ngọ-Môn.

Ngọ-Môn (21) được xây bằng đá đưa từ Thanh-Hóa vào và từ Quảng-Nam ra, cùng gạch đúc tại chỗ. Ở giữa cao 1 trượng 3 thước 3 tấc (khoảng 5,32 m), ngang 8 thước 2 tấc (khoảng 3,28 m). Cửa giáp hai bên tả hữu đều cao 1 trượng 2 thước 4 tấc 5 phân (khoảng 4,98 m), ngang 8 thước 1 tấc (khoảng 3,24 m). Cửa nách ở hai bên tả hữu đều cao 1 trượng (khoảng 4 m), ngang 6 thước 3 tấc (khoảng 2,52 m). Ngọ-Môn cao suốt từ mặt đất đến trên mặt nền là 1 trượng 4 thước 9 tấc (khoảng 5,96 m).

Trên cửa, dựng Ngũ-Phượng-Lâu 五鳳樓. Lầu có hai tầng. Gian chính giữa lợp ngói lưu ly vàng. Bốn góc ở hai bên tả hữu có bốn xường sừng. Mỗi xường chiếm một gian lợp ngói âm dương. Xung quanh xây lan can bằng gạch hoa.

Trước Ngọ-Môn có ao Kim-Thủy 金水 và có ba cầu đá bắt ngang. Ba cầu đều có lan can cũng xây bằng gạch hoa.

Năm Bính-Thân, Minh-Mệnh thứ mười bảy (1836), vì một đoạn thành bị lở, lấp một phần hồ Kinh-Bạch 京白, nên xuống chỉ cho xây lại cùng vét hồ sâu đến 5 trượng (khoảng 2 m). Cũng năm đó cho đổi danh xưng Thái-Bình-Đài thành Trấn-Bình-Đài 鎮平臺.

Năm Đinh-Dậu, Minh-Mệnh thứ mười tám (1837), xuống chỉ cho Thống-Chế Lê Văn Thảo 李文藻 đem 3 000 biên binh ở Kinh để đắp đá hai bên bờ sông Hộ-Thành-Hà, từ cầu An-Hội 安會 là cầu Gia-Hội bây giờ, cho đến trước mặt Trấn-Bình-Đài.

Năm Kỷ-Hợi, Minh-Mệnh thứ hai mươi (1839) xuống chỉ cho Giám-Thành đốc thúc 664 biên binh ở Gia-Định 嘉定, Biên-Hòa 邊和, Vĩnh-Long 永隆 và An-Giang 安江 vừa mới đến Kinh tháng trước, lấy hai gò đất ở ngoài thành Trấn-Bình-Đài để lấp vào những chỗ thấp ở trong Kinh-Thành cho bằng phẳng để mưa lũ khỏi lây lội.

Năm Tân-Sửu, Thiệu-Trị thứ hai (1842), Hiến-Tổ xuống chỉ cho Thống-Chế Mai Công Ngôn 枚公言, Thống-Chế Hồ Văn Lưu 胡文劉 và quan Hoàng Đẳng Thận 黃登慎 lo đốc thúc biên binh và dân thuê để tu bổ chắc chắn các mặt thành phía sau, bên tả, bên hữu, cùng lo hoàn tất Trấn-Bình-Đài.

Đô-Thánh Thuận-Hóa được Chúa Nghĩa Nguyễn-Phước Thái dựng lên ở làng Phú-Xuân, rồi được Thế-Tổ và Thánh-Tổ cho xây dựng lại rộng hơn, lớn hơn. Thành trì đã trải qua hơn ba trăm năm. Nhiều kiến trúc từ đời Minh-Mệnh, Thiệu-Trị được sửa đổi lại hay bị phá hủy dưới những triều Đồng-Khánh, Thành-Thái, Khải-Định, nhưng ba cái thành của Cung-Thành, Hoàng-Thành và Kinh-Thành mà chúng ta thấy bây giờ vẫn nằm trên vị trí cũ của chúng, có từ đời Gia-Long.

Thành trì rộng lớn, nhưng không thô kệch. Điện đài uy nghi, nhưng không bạc khắc. Cung đình tráng lệ, nhưng không loè loẹt. Kiến trúc lại cân xứng với địa hình địa thế, để các công-trình tự hòa mình trong cảnh trí thiên nhiên. Đô-Thành đã tạo cho Huế một hình thái hài hòa, một khí cách thanh tao ; đã làm cho Huế có một cái đẹp mơ màng, một cái duyên thâm kín. Người Huế yêu Huế diễm kiều, người Việt yêu Huế mộng mơ.

Rồi Pháp chiếm cứ Trấn-Bình-Đài. Bóng ngoại bang đã làm rạn nứt vẻ cổ kính của thành xưa. Chiến tranh trong những năm 1945-1946 đã tàn hoại Đô-Thành nhiều lắm. Và trong những năm 1968-1975, bom đạn đã biến Kinh-Thành gần như bình địa. Hầu hết các cửa, thành đều sụp đổ. Hầu hết các miếu, điện, cung, đài đều tan nát xác xơ. Người Huế sụt sùi cho Phú-Xuân đổ nát, người Việt ghen ngào cho Thuận-Hóa điêu linh.

Cũng may mà chính quyền ngày nay đã nhận rõ giá trị văn hóa, mỹ thuật của đất Thần-Kinh nên đã sát cánh với các cơ quan văn hóa trên thế giới (22) mà trùng tu lại Đô-Thành trên bốn trăm năm văn vật, để không những trao lại cho người Huế một cố-đô thơ mộng, trao lại cho người Việt một thủ-phủ thanh trang mà còn trao lại cho cả Nhân-Loại một di-tích quyền rũ.

Nguyễn Vĩnh-Tráng
Lập-Xuân Đinh-Sử
217 021 997 nvt*ttl*
205 042 010.

Ghi Chú :

(1) Bộ KĐĐNHĐSL gồm có 15 tập do nhà xuất bản Thuận-Hóa dịch và ấn hành tại Huế năm 1993. Là cả một nguồn tài liệu to tát, dịch thuật công phu, rất lợi cho những ai muốn sưu tầm lịch sử. Nhưng rất tiếc là hầu hết mỗi trang đều có in sai, làm lạc hướng những người muốn nghiên cứu, nếu trong tay không có nguyên bản chữ Hán. Như Tường-Lân lại in là tường ban, Gia-Tường in là gia đường, Thụy-Thánh in là thụy khánh, Nam-Ninh in là nam minh... Rồi cứ như thế mà tiếp tục in mãi cho hàng chục trang sau. Ngoài ra những con số cho kích thước đôi khi cũng in sai. Thật đáng tiếc ! Rất mong lần tái bản đến, nhà xuất bản cho sửa chữa kỹ càng hơn.

(2) Bộ BAVH gồm 122 tập, ra từ năm 1914 đến năm 1944. Mỗi năm 4 tập, duy năm chót 1944 chỉ có 2 tập, do Đô Thành Hiếu Cổ Xã ấn hành. Hiện nay bộ này rất hiếm. Là một kho tài liệu rất quý nói về Huế. Cũng may bây giờ bộ này đã cho in trên CD.

(3) Nguyễn-Phúc-Tộc Thế-Phả cho tên là Cam, dựa theo phiên thiết của Khang-Hi Tự-Điển, tôi e không đúng. Có nhiều chữ Hán mà người Việt mình có thói quen đọc (theo âm hán-việt) không sát theo phiên thiết của KHTĐ. Các sách sử như Việt-Nam Sử-Lược của Trần Trọng Kim, Đại-Việt Thông-Sử của Lê Quý Đôn, BAVH..., đều viết Nguyễn Kim, Nguyễn

Hoàng chứ không thấy viết Nguyễn Cam, Nguyễn Huỳnh. Ở Huế người ta gọi trái Kim Quất là Cam Quật, vì ký trọng huy của Ngài chẳng ? Miếu-hiệu của Ngài Triệu-Tổ Tĩnh.

(4) Miếu-hiệu là Thái-Tổ Gia-Dũ. Vì ký huy Ngài mà con cháu họ Nguyễn-Phước và một số lớn người miền Trung và miền Nam thay chữ hoàng ra chữ huỳnh. Chính Ngài đã ban thêm chữ Phước vào chữ Nguyễn cho họ Nguyễn của con cháu Ngài. Từ đó con cháu đều mang họ Nguyễn-Phước.

(5) Miếu-hiệu là Hy-Tông Hiếu-Văn. Vì ký huy Ngài nên chữ nguyên được nói trại ra bằng chữ ngon, chữ phúc bằng chữ phước, như Tết Ngon Đán (Nguyên Đán), Nguyễn-Phước (Nguyễn-Phúc), Phước-Lộc-Thọ (Phúc-Lộc-Thọ).

(6) Miếu-hiệu là Thần-Tông Hiếu-Chiêu. Vì ký huy nên âm lan thay bằng âm liên, như hoa Lan, trong Nội nói là bông Liên và Liên Hoa thì nói là bông Sen (âm hoa cũng ký huy).

(7) Miếu-hiệu là Anh-Tông Hiếu-Nghĩa. Vì ký huy nên âm thái được thay bằng âm thới, như nhân tình thế thái thì nói là nhơn tình thế thới (âm nhân cũng ký huy).

(8) Miếu-hiệu là Thái-Tông Hiếu-Triết. Vì ký huy, âm tần được thay bằng âm tồn, như rau Tần-Ô thì nói là rau Tồn-Ô.

(9) Miếu-hiệu là Hiến-Tông Hiếu-Minh. Âm chu được thay bằng âm châu.

(10) Miếu-hiệu là Thế-Tông Hiếu-Vũ. Chữ khoáng được thay bằng chữ quảng hay khoáng, như khoáng đạt thì nói là khoáng đạt.

(11) Họ Nguyễn-Phước là họ Ngoại của họ Trịnh. Nguyễn Hoàng là cậu ruột của Bình An Vương Trịnh Tùng.

(12) Nguyễn Nhạc nhà Tây-Son đóng đô ở Đồ-Bàn gần Quy-Nhơn vào năm 1778, và vào năm 1788 Nguyễn Huệ nhà Bắc Tây-Son mới lấy Phú-Xuân làm kinh-đô. Đến khi Nguyễn Nhạc mất vào năm 1793 thì Phú-Xuân mới là kinh-đô của nhà Nguyễn Tây-Son cho đến năm 1801.

(13) Xem KĐĐNHĐSL tập 13, quyển 209.

(14) Như trên.

(15) Như trên.

(16) Một tài liệu vô danh trên mạng web cho rằng theo *Phan Thuận An 2000* thì toàn bộ chiều cao của mỗi cửa là trên 17 m.

(17) Xem KĐĐNHĐSL tập 13, quyển 209, trang 119. Thành đất của Hộ-Thành, nay không thấy nữa và không biết ở đâu. Ở trong thành cũng có một đường lúc trước mang tên là đường Hộ-Thành, sau đổi là đường Thượng-Tứ, và bây giờ là đường Đinh Tiên Hoàng.

(18) Một quan là 10 tiền, nặng 2 cân 4 lượng. Không biết bằng gì, bằng đồng chẳng. Một tiền bề ngang có 5 phân 3 ly. Xem KĐĐNHĐSL tập 5, quyển 53. Mỗi phương là 13 thưng ăn 30 đầu đồng gạt ngang miệng. Không biết là bao nhiêu kí. Xem KĐĐNHĐSL tập 5, quyển 54.

Để có một khái niệm về lương bổng của công nhân thời bấy giờ, ta hãy xem lương bổng của quan viên do Đức Thế-Tổ định năm Mậu-Dần, Gia-Long thứ mười bảy (1818). Chánh nhất phẩm, trong một năm, tiền 600 quan, gạo 600 phương, tiền xuân phục 70 quan. Tòng nhất phẩm, tiền 360 quan, gạo 360 phương, tiền xuân phục 60 quan. Chánh nhị phẩm (cấp Thượng Thư), tiền 300 quan, gạo 300 phương, tiền xuân phục 50 quan. Chánh, Tòng cửu phẩm (Thư Ký...), tiền 16 quan, gạo 16 phương, tiền xuân phục 4 quan. Xem KĐĐNHĐSL tập 5, quyển 57.

(19) Xem KĐĐNHĐSL tập 5, quyển 60, có nhiều chi tiết hơn.

(20) Như trên.

(21) Xem KĐĐNHĐSL tập 13, quyển 209.

(22) Nghe đâu Cơ Quan Giáo-Dục, Khoa-Học, Văn-Hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã tuyên bố Kinh-Thành Huế là di sản của nhân loại.



Kinh Thành đời Hiến Tô



Cố Đô Huế năm 1995